

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 282/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
 tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (tại Tờ trình số 1460/TT-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2006) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Văn bản số 7895/BKH-TĐ&GSDT ngày 26 tháng 10 năm 2006) về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước;

b) Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường;

c) Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học;

d) Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy các thế mạnh và lợi thế so sánh của Tỉnh; huy động tối đa các nguồn lực (cả nội lực và ngoại lực), nhất là nguồn vốn đầu tư và khoa học - công nghệ;

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ vững chắc biên giới, chủ quyền quốc gia;

e) Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực; mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với bên ngoài để phát triển.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế với nhịp độ tăng trưởng nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn so với giai đoạn trước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Ưu tiên phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất, quản lý... để tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào ở vùng biên giới. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh quốc gia. Phân đấu đến năm 2020, Cao Bằng đạt trình độ phát triển ở mức khá so với các tỉnh trong Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và có mức thu nhập bình quân/người bằng với mức thu nhập bình quân/người chung của cả nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Phân đấu mức tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt bình quân 15%/năm thời kỳ 2006 - 2010; 13%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 10%/năm thời kỳ 2016 - 2020;

- GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt trên 600USD và năm 2020 đạt 1.600USD;

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng

tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp - xây dựng (đến năm 2010: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 25,9%, công nghiệp - xây dựng chiếm 28,4%, dịch vụ chiếm 45,7%; đến năm 2015: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 19,1%, công nghiệp - xây dựng chiếm 32,1%, dịch vụ chiếm 48,8%; đến năm 2020: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 15%, công nghiệp - xây dựng chiếm 35,8%, dịch vụ chiếm 49,2%);

- Phân đầu đến năm 2008 hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đến năm 2020 đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học phổ thông; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 26% (trong đó, đào tạo nghề đạt 19%) vào năm 2010 và đạt 38% (trong đó, đào tạo nghề đạt 31%) vào năm 2020; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 1,0 - 1,4 vạn lao động;

- Phân đầu đến năm 2010 đạt 9 bác sỹ và 25 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2020 đạt 12 bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân, 30% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ tăng dân số ở mức 1,0%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 còn 29,5% và đến năm 2020 xuống dưới 10%; tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 4% vào năm 2010; đến năm 2010: 95% dân số đô thị và 85% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, tỷ lệ phủ sóng phát thanh và truyền hình đạt 90%; đến năm 2020: 100% dân số đô thị và 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, tỷ lệ phủ sóng phát thanh và truyền hình đạt 100%;

- Xây dựng và củng cố vững chắc khu vực phòng thủ trên địa bàn Tỉnh; hoàn thành cơ bản việc bố trí, sắp xếp và ổn định dân cư các xã biên giới;

- Nâng độ che phủ của rừng đạt 52% vào năm 2010, đạt 60% vào năm 2020; giải quyết tốt vấn đề vệ sinh môi trường đô thị, cửa khẩu, khu công nghiệp, khu vực khai thác quặng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Định hướng phát triển ngành và lĩnh vực

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa trên cơ sở xây dựng vùng nguyên liệu gắn với chế biến đối với các mặt hàng nông sản chủ lực. Lựa chọn những cây trồng thích hợp với địa hình vùng cao, có giá trị kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, chú trọng vùng nghèo, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người; chuyển đổi mạnh cơ cấu giữa trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ theo hướng nâng cao giá trị, tích cực ứng dụng công nghệ thích hợp nhằm tạo ra giá trị hàng hóa lớn trên một đơn vị diện tích và bảo đảm phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững;

- Nhịp độ phát triển giai đoạn 2006 - 2010 đạt 5,5%/năm, giai đoạn 2011 - 2020 đạt 4,9%/năm;

- Sản xuất lương thực theo hướng thâm canh, đưa những giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao vào sản xuất, trọng tâm là phát triển lúa nước và ngô lai; chú trọng phát triển những cây trồng thích hợp với điều kiện của Tỉnh, tạo sản phẩm hàng hóa chủ lực theo hướng thâm canh tăng năng suất như: mía, đậu tương, thuốc lá; xây dựng vành đai thực phẩm, các loại rau, đậu theo hướng sạch cho thị xã, khu công nghiệp; tập trung phát triển các loại cây ăn quả như: lê, mận, bưởi, cam, quýt, hồng không hạt trên cơ sở giống mới và gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm;

- Phát triển chăn nuôi hàng hóa có giá trị kinh tế cao trên cơ sở tận dụng ưu thế của tỉnh miền núi; tập trung phát triển đàn bò lấy thịt theo hướng bán công nghiệp; phát triển chăn nuôi trâu, dê, chăn nuôi lợn hướng nạc, gia cầm theo quy mô trang trại, hộ gia đình; tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp, đến năm 2010 chiếm 40,8% và đến năm 2020 chiếm 46,3%;

- Xây dựng hệ thống rừng đặc dụng, hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn; kết hợp trồng mới và khoanh nuôi tái sinh, phát triển hệ thống rừng sản xuất gồm rừng nguyên liệu giấy và gỗ công nghiệp, hồi thảo quả, chè đắng; đưa độ che phủ của rừng đạt 52% vào năm 2010 và đạt trên 60% vào năm 2020;

- Khai thác diện tích mặt nước hiện có, xây dựng thêm các hồ thủy lợi kết hợp nuôi trồng thủy sản tập trung với mục đích sản xuất hàng hóa; xây dựng cơ sở ương cá giống phục vụ cho nhu cầu tại chỗ và các tỉnh lân cận.

b) Công nghiệp - xây dựng

- Tạo sự tăng trưởng đột phá; đến năm 2010 đạt 26% và đến năm 2020 đạt 14,6%; trung bình cả giai đoạn đạt 17%/năm;

- Khai thác và chế biến khoáng sản: bảo đảm không tàn phá và gây ô nhiễm môi trường; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các loại khoáng sản; khuyến khích đầu tư khai thác gắn với chế biến sâu quặng sắt, man gan, thiếc, bô xít; tổ chức quản lý khai thác, thu gom các mỏ nhỏ trên địa bàn Tỉnh;

- Phát triển thủy điện: khảo sát, quy hoạch và đẩy mạnh khai thác tiềm năng thủy điện trên các sông, suối thuộc địa bàn Tỉnh; có cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng: bảo đảm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng

trên địa bàn Tỉnh; đổi mới công nghệ, nâng cao sản lượng và chất lượng xi măng của Tỉnh; tổ chức tốt việc khai thác vật liệu sẵn có như đá cho xây dựng và nguyên liệu để sản xuất xi măng; phát triển sản xuất gạch, ngói, cát, sỏi... tại địa phương;

- Xây dựng khu công nghiệp Đề Thám, từng bước hình thành khu công nghiệp Chu Trinh, Phục Hòa; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài để phát triển công nghiệp; phát triển các cụm công nghiệp vệ tinh, công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp đối với ngành nghề cơ khí nhỏ, công cụ cầm tay, chế biến nông, lâm sản phục vụ nông nghiệp và nông thôn;

- Bảo tồn và phát triển ngành nghề thủ công, khôi phục các làng nghề truyền thống sản xuất hàng tiêu dùng, phục vụ phát triển du lịch, xuất khẩu, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông nghiệp và nông thôn.

c) Thương mại - dịch vụ

- Tăng cường đầu tư hạ tầng thương mại trên địa bàn thị xã, thành phố trong tương lai, các khu kinh tế cửa khẩu; trong đó, ưu tiên cửa khẩu Tà Lùng và các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp, thu hút đầu tư, thúc đẩy lưu thông hàng hóa giữa Cao Bằng với cả nước và thị trường Trung Quốc;

- Xây dựng các chợ trung tâm cụm xã, thị trấn, thị tứ, các trạm thu mua nông sản, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân nông thôn, vùng cao giao lưu, trao đổi, kích thích phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thiết yếu, bình ổn giá cả thị trường;

- Quy hoạch sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, tạo sự ổn định thị trường và hàng hóa xuất khẩu, có khả năng cạnh tranh, thâm nhập vào một số thị trường mới;

- Phát triển du lịch văn hóa lịch sử, du lịch sinh thái và du lịch cảnh quan;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển các dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao, ăn uống, khách sạn, nhà hàng... đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch;

- Khôi phục và tổ chức các lễ hội truyền thống, làm tốt việc giới thiệu với du khách tại các điểm di tích lịch sử;

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ vận tải; phấn đấu tăng năng lực vận tải đến năm 2010 gấp 2 lần và đến năm 2020 gấp 3 lần so với hiện nay;

- Quy hoạch phát triển mạng dịch vụ bưu chính, viễn thông của Tỉnh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (gồm cả Internet) đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng, chất lượng phục vụ ngày càng cao của xã hội; số máy điện thoại đến năm 2010 đạt 18 máy/100 dân và đến năm 2020 đạt 30 máy/100 dân;

- Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh của Tỉnh.

d) Các lĩnh vực xã hội

- Phát triển dân số: tiếp tục đẩy mạnh công tác kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản để nâng cao chất lượng dân số; đến năm 2010 dân số khoảng 540 nghìn người và tốc độ tăng bình quân là 1,05%/năm; đến năm 2020 khoảng 600 nghìn người và tốc độ tăng bình quân là 1,0%/năm; tỷ trọng dân số đô thị đạt khoảng 18% vào năm 2010 và đạt gần 30% vào năm 2020;

- Giáo dục và đào tạo: đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục - đào tạo; chú trọng hợp tác, liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước, đại học Quảng Tây (Trung Quốc). Sớm hoàn thành xây dựng Trường dạy nghề tỉnh, thành lập Trung tâm dạy nghề vùng và cơ sở dạy nghề tại các huyện; nâng cấp cơ sở vật chất cho Trường nội trú tỉnh, xây dựng các trường nội trú, bán trú tại các huyện, tạo điều kiện hơn nữa cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số đi học; thành lập trường Đại học Cao Bằng trên cơ sở trường Cao đẳng Sư phạm, trường Trung cấp Y tế và trường Trung cấp nông - lâm nghiệp; chú trọng đào tạo nhân lực cho hội nhập kinh tế quốc tế; đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học trong tình hình mới; hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2008; đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học phổ thông vào năm 2020; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 26% vào năm 2010 và đạt 38% vào năm 2020;

- Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: nâng cấp và mở rộng mạng lưới y tế từ tỉnh đến huyện, xã trên nguyên tắc phòng bệnh hơn chữa bệnh; tập trung nâng cấp tuyến huyện, tuyến xã và tuyến thôn bản; nhanh chóng hoàn thành việc nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh; khẩn trương triển khai xây dựng Bệnh viện Đa khoa khu vực miền Tây (huyện Bảo Lạc). Phấn đấu đến năm 2010 có 9 bác sỹ và 25 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2020 có 12 bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân, 30% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm; phòng chống, đẩy lùi được tệ nạn ma túy, ngăn chặn lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng và các bệnh dịch nguy hiểm khác;

- Văn hóa xã hội: xây dựng và nâng cấp nhà văn hóa các xã, thôn bản, chú trọng các thôn bản biên giới, vùng sâu, vùng xa; xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc trong Tỉnh; đẩy mạnh phủ sóng phát thanh truyền hình, tăng thời lượng phát thanh, truyền hình bằng tiếng các dân tộc thiểu số; nâng cấp Thư viện tỉnh và thư viện các huyện, thị; củng cố thư viện xã; tăng cường đưa những ấn phẩm, sách, báo mang nội dung phổ biến kiến thức pháp luật, khoa học - kỹ thuật cho nông dân;

- Thể dục, thể thao: xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm thi đấu thể thao của Tỉnh; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật thể thao cho các thị trấn, huyện lỵ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng vận động viên các môn thể thao có khả năng đạt thành tích cao, đặc biệt như các môn võ cổ truyền dân tộc; thường xuyên phát động phong trào thể dục, thể thao quần chúng. Phấn đấu đến năm 2010, Cao Bằng có vận động viên thi đấu đoạt giải quốc gia;

- Xóa đói, giảm nghèo và việc làm: tiếp tục thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, đầu tư cho 106 xã đặc biệt khó khăn thoát nghèo trong giai đoạn 2006 - 2010; thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ dân xóa nhà dột nát, bố trí đất sản xuất, đất ở cho tất cả những hộ còn thiếu, trong đó, cần đặc biệt quan tâm đối với hộ đồng bào các dân tộc sinh sống ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo; đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 29,5% vào năm 2010 và dưới 10% vào năm 2020; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, mở mang các ngành nghề mới, nhằm thúc đẩy chuyển dịch lao động từ ngành nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, dịch vụ; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu cho xuất khẩu; phấn đấu bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 1,0 - 1,4 vạn lao động.

đ) Quốc phòng, an ninh

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm chủ quyền quốc gia, ổn định chính trị để phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống các loại tội phạm xâm hại đến an ninh quốc gia, đẩy lùi tệ nạn xã hội, kiềm chế tai nạn giao thông;

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện chiến đấu, thực hiện diễn tập khu vực phòng

thủ tỉnh, chuẩn bị mọi điều kiện sẵn sàng chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc;

- Xây dựng đường biên giới Việt - Trung hòa bình, hữu nghị; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo với Trung Quốc để phát triển kinh tế - xã hội.

e) Phát triển kết cấu hạ tầng:

- Đẩy nhanh tiến độ cải tạo, nâng cấp các Quốc lộ 3, Quốc lộ 4A, Quốc lộ 34, Quốc lộ 4C, hoàn thiện đường nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 4A (tuyến tránh thị xã Cao Bằng), khẩn trương xây dựng đường Hồ Chí Minh (đoạn qua địa phận Cao Bằng). Ưu tiên đầu tư nâng cấp đường ra các cửa khẩu, đường đến các khu du lịch, đường vành đai biên giới. Nâng cấp dần các tuyến đường tỉnh lộ, mở mới một số tuyến đường phục vụ quốc phòng, an ninh, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng đường liên xã, bảo đảm đi được cả bốn mùa. Phát triển đường liên thôn bằng cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm; phát động phong trào toàn dân xây dựng đường thôn xóm, đường nội đồng với sự hỗ trợ vật tư kỹ thuật của Nhà nước;

- Sau năm 2010, tùy tình hình thực tế và nhu cầu vận tải của Tỉnh sẽ xem xét, quyết định việc nghiên cứu, lập dự án tuyến đường sắt Hà Quảng đi Cửa khẩu Tà Lùng (nối với tuyến đường sắt Thủy Khẩu đi Sùng Tả - Trung Quốc) và dự án sân bay Cao Bằng;

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho thị xã, thành phố trong tương lai, khu công nghiệp, các công trình cấp nước sinh hoạt tại các thị trấn, thị tứ, ưu tiên cho vùng cao. Phân đấu đến năm 2010 đạt 95% dân số đô thị, 85% dân số nông thôn và đến năm 2020 đạt 100% dân số đô thị, 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh;

- Xây dựng đường điện 110 KV Lạng Sơn - Cao Bằng; tiếp tục phát triển lưới điện nông thôn. Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện đến năm 2010 đạt 85% và đến năm 2020 đạt 100%;

- Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư các xã biên giới, nhất là các thôn, bản sát biên giới theo quy hoạch, không để biên giới trống dân;

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương; xây dựng thêm các công trình thủy lợi, ưu tiên các công trình kết hợp thủy điện, cấp nước và phát triển thủy sản, chú trọng vùng biên giới, tạo điều kiện để nhân dân phát triển sản xuất, ổn định đời sống, yên tâm bám đất, giữ vững biên cương Tổ quốc;

- Tiếp tục nghiên cứu, điều tra, lập các dự án đầu tư kè chống xói lở bờ sông biên giới và đô thị, bảo đảm an toàn đường biên, sản xuất và đời sống của nhân dân.

4. Định hướng phát triển theo lãnh thổ

a) Phát triển vùng kinh tế

- Vùng bình địa (gồm thị xã Cao Bằng và 1 phần huyện Hòa An) với thị xã Cao Bằng là trung tâm, đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, có 2 khu công nghiệp, khu dịch vụ và các tiểu vùng thâm canh lúa, thuốc lá, đậu tương, lạc, ngô; tiểu vùng ven thị xã Cao Bằng trồng rau xanh, hoa;

- Vùng núi đá (7 huyện) có đô thị Tà Lùng, các khu kinh tế cửa khẩu (Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang) với hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối phát triển, có khu khai thác mỏ, cụm công nghiệp, khu du lịch và các tiểu vùng trồng lúa, đậu tương, thuốc lá (Trùng Khánh); tiểu vùng trồng mía (Phục Hòa) và tiểu vùng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

- Vùng núi đất (4 huyện) có 4 thị trấn gắn liền hệ thống kết cấu hạ tầng được nâng cấp, có khu khai thác mỏ, cụm công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp và các tiểu vùng rừng sản xuất chuyên canh trúc sào, chè đắng; tiểu vùng rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng và tiểu vùng trồng lúa, ngô, đậu tương, dong riềng.

b) Phát triển đô thị và nông thôn

- Quy hoạch mở rộng, xây dựng thị xã Cao Bằng trở thành thành phố thuộc Tỉnh khi có điều kiện; nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng thành cửa khẩu quốc tế và 2 cửa khẩu Trà Lĩnh và Sóc Giang thành cửa khẩu quốc gia. Xây dựng và phát triển thị trấn Tà Lùng trở thành đô thị loại IV; đầu tư xây dựng mới các thị trấn: Đàm Thủy, Trường Hà, Phia Đén; phát triển thị tứ và các chợ biên giới;

- Quản lý, sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch, đặc biệt là đất đô thị, dọc các trục giao thông, thị trấn, thị tứ, các khu kinh tế cửa khẩu, các điểm du lịch.

5. Một số giải pháp chủ yếu về thực hiện quy hoạch

a) Huy động vốn đầu tư

Huy động tối đa các nguồn vốn trong nước, ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội:

- Vốn trong nước đóng vai trò quan trọng nhất, đặc biệt là nguồn vốn của Trung ương để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, củng cố quốc phòng - an ninh, xóa đói giảm nghèo; ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị;

- Tăng cường xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá về Cao Bằng để thu hút vốn đầu tư vào các lĩnh vực thế mạnh của Tỉnh như: khai thác, chế biến khoáng sản; phát triển một số cây, con; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc vay vốn tín dụng đầu tư để phát triển sản xuất, kinh doanh theo quy định;

- Tích cực vận động thu hút vốn ODA để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp (FDI), chú trọng các nhà đầu tư Trung Quốc để phát triển các hàng hóa chủ lực, chất lượng cao, các sản phẩm xuất khẩu và xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị.

b) Về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp theo quy định của pháp luật và đề xuất chính sách mới với Chính phủ nhằm ưu tiên đầu tư phát triển cho Cao Bằng;

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế "một cửa"; hiện đại hóa trụ sở chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cấp xã. Làm tốt công tác tổ chức và cán bộ; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích người tài về địa phương làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước; chống lãng phí, tham nhũng. Ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý. Thực hiện quy chế dân chủ gắn liền với hoàn thiện quy chế quản lý nhà nước ở cấp cơ sở. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo và đào tạo lại;

- Phân cấp đi đôi với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tập trung vào các

lĩnh vực đất đai, khai thác, chế biến khoáng sản, cấp phép đầu tư, xây dựng cơ bản, xuất khẩu, nhập khẩu.

c) Khoa học công nghệ

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi; tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất hàng hóa chủ lực, xây dựng tiêu chuẩn hàng hóa đảm bảo đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, có uy tín và có sức cạnh tranh trên thị trường;

- Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi, công nghiệp chế biến nhằm tạo bước chuyển tích cực về năng suất, chất lượng và giảm giá thành sản phẩm.

d) Phát triển nguồn nhân lực

- Chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước, nâng dần trình độ ngoại ngữ và trình độ sử dụng công nghệ thông tin ở các lĩnh vực cho đội ngũ cán bộ, công chức của Tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới;

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp và chuyển đổi các doanh nghiệp, nâng cao hơn nữa năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp của Tỉnh, sẵn sàng tham gia quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; đào tạo, tập huấn kỹ thuật, trình độ quản lý cho các chủ trang trại, hộ gia đình nhằm hướng tới mỗi chủ trang trại, hộ gia đình là một tế bào kinh tế vững mạnh, sản xuất ra hàng hóa có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước;

- Liên kết hợp tác với một số trường đại học của Trung Quốc, đặc biệt là của tỉnh Quảng Tây để đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, tạo sự đột phá trong phát triển nguồn nhân lực của Tỉnh;

- Làm tốt công tác hướng nghiệp, đẩy mạnh đào tạo nghề, tạo nguồn lao động có tay nghề đáp ứng cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội của Tỉnh và cho xuất khẩu.

đ) Tổ chức thực hiện và giám sát Quy hoạch

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch sau khi được phê duyệt; cụ thể hóa các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để tổ chức thực hiện. Xúc tiến hoạt động đầu tư, giới thiệu, quảng bá các dự án ưu tiên, mời gọi các nhà đầu tư đến Cao Bằng đầu tư sản xuất, kinh doanh;

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể và nhân dân trong Tỉnh có trách nhiệm giám sát, thực hiện Quy hoạch; đánh giá thực hiện Quy hoạch, rà soát, điều chỉnh Quy hoạch khi không còn phù hợp.

Điều 2. Quy hoạch này là định hướng, cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành, các dự án đầu tư trên địa bàn của Tỉnh theo quy định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong Quy hoạch, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập và trình duyệt vào đầu năm 2007 và triển khai thực hiện theo quy định:

1. Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược.
2. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.
3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.
4. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung hoặc từng bước bố trí ưu tiên hợp lý.
5. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, của Vùng và cả nước trong từng giai đoạn Quy hoạch.

Điều 4. Giao các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; đồng thời nghiên cứu xây dựng và trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư... để thực hiện Quy

hoạch; đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của Tỉnh đã được quyết định đầu tư; nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 282/2006/QĐ-TTg
ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Chương trình, dự án	Địa điểm
1	Xây dựng các khu công nghiệp	Thị xã Cao Bằng, huyện Phục Hòa
2	Khu liên hiệp sản xuất phân bón Chu Trinh	huyện Hòa An
3	Khu liên hợp khai thác và chế biến khoáng sản	huyện Phục Hòa
4	Lò sản xuất gạch tuynen	thị xã Cao Bằng
5	Khai thác và sản xuất đá xẻ Phong Châu	huyện Trùng Khánh
6	Thủy điện Hoa Thám	huyện Nguyên Bình
7	Thủy điện Bạch Đằng	huyện Hòa An
8	Xi măng lò quay	huyện Hòa An
9	Thủy điện Bản Riễn	huyện Bảo Lạc
10	Thủy điện Bản Ngà	huyện Bảo Lạc
11	Thủy điện Khuổi Ru	huyện Bảo Lạc
12	Thủy điện Pác Khuổi	huyện Hòa An
13	Thủy điện Long Thiện	huyện Phục Hòa
14	Thủy điện Chu Trinh	huyện Hòa An
15	Thủy điện Bản Chiếu	huyện Nguyên Bình
16	Thủy điện Tà Sa	huyện Nguyên Bình
17	Thủy điện Tài Hồ Sìn	huyện Hòa An
18	Thủy điện Thoong Cốt II	huyện Trùng Khánh
19	Thủy điện Nà Cốc và Pác Mòi	huyện Thạch An
20	Thủy điện Na Han	huyện Bảo Lâm
21	Thủy điện Nậm Pát	huyện Nguyên Bình
22	Thủy điện Pác Xóa	huyện Thạch An

STT	Chương trình, dự án	Địa điểm
23	Lò luyện than cốc	thị xã Cao Bằng
24	Lò luyện ferô man gan	các huyện: Quảng Uyên, Phục Hòa
25	Lò cao luyện gang Ngũ Lão	huyện Hòa An
26	Đường nối Nguyên Bình - quốc lộ 3	huyện Nguyên Bình
27	Cầu và đường Km 5 - Vồ Đuôn	huyện Hòa An
28	Đường Tân An - Canh Tân	thị xã Cao Bằng, huyện Thạch An
29	Đường tỉnh 211 (Trà Lĩnh - Trùng Khánh)	các huyện: Trà Lĩnh, Trùng Khánh
30	Đường tỉnh 210 (Trà Lĩnh - Hà Quảng)	các huyện: Trà Lĩnh, Hà Quảng
31	Đường tránh thị trấn Quốc Hùng	huyện Trà Lĩnh
32	Đường tỉnh 214 (Hạ Lang - Thị Hoa)	huyện Hạ Lang
33	Đường Vĩnh Quang - Hồng Trị	các huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm
34	Đường Hoàng Ngà - Cầu Bản Giáp	thị xã Cao Bằng
35	Nâng cấp đường 204	các huyện: Thông Nông, Hòa An
36	Đường nội thị huyện Hạ Lang	huyện Hạ Lang
37	Đường Mai Long	Cao Bằng - Bắc Kạn
38	Đường nội thị huyện Bảo Lâm	huyện Bảo Lâm
39	Đường tỉnh lộ 205	huyện Trà Lĩnh
40	Cầu Tân An	thị xã Cao Bằng
41	Đường liên huyện Hà Quảng - Thông Nông - Bảo Lạc	các huyện: Hà Quảng, Thông Nông, Bảo Lạc
42	Đường Hoa Thám - Quốc lộ 4	huyện Nguyên Bình
43	Cầu Tà Lùng số 2	huyện Phục Hòa
44	Đường Thanh Long - Triệu Nguyên	huyện Nguyên Bình
45	Đường Thông Nông - Nước Hai	các huyện: Thông Nông, Hòa An
46	Đường 212 (Pác Bó - Phia Đén - Nà Bản)	huyện Nguyên Bình
47	Đường Bản Ngà - Đồn Biên phòng Xuân Trường	huyện Bảo Lạc

STT	Chương trình, dự án	Địa điểm
48	Đường 204	huyện Hòa An
49	Đường Mai Long - Bằng Thành	huyện Nguyên Bình
50	Đường 217	huyện Bảo Lạc
51	Đường 208	Đông Khê, Phục Hòa
52	Đường 206	các huyện: Quảng Uyên, Trùng Khánh
53	Xóa đói giảm nghèo đa mục tiêu của 3 huyện miền Tây, tỉnh Cao Bằng	các huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình
54	Phát triển đàn bò và chế biến thịt bò	toàn tỉnh
55	Xây dựng vùng nguyên liệu trúc	huyện Nguyên Bình
56	Phục hồi và phát triển dê	huyện Trùng Khánh
57	Chế biến lâm sản	các huyện: Nguyên Bình, Hòa An
58	Xây dựng rừng phòng hộ	các huyện
59	Bảo vệ và xây dựng rừng đặc dụng	các huyện
60	Hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm nông nghiệp chủ yếu	các huyện
61	Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản	các huyện
62	Dự án Phia Đén (phần nông, lâm nghiệp)	huyện Nguyên Bình
63	Kè Nà Chích, Đại Sơn	huyện Phục Hòa
64	Thoát lũ xã Vĩnh Phong	huyện Bảo Lâm
65	Tiêu úng xã Thanh Long	các huyện: Thông Nông, Hòa An
66	Kè sông Quây Sơn, Minh Long	huyện Hạ Lang
67	Hồ Khuổi Khoán, Ngũ Lão	huyện Hòa An
68	Hồ Nà Lái, Phi Hải	huyện Quảng Uyên
69	Hồ Khuổi Kỳ, Sóc Hà	huyện Hà Quảng
70	Mương Nặm Pán, Độc Lập	huyện Quảng Uyên
71	Thủy lợi Bắc huyện Trùng Khánh (giai đoạn II)	huyện Trùng Khánh
72	Hệ thống mương tưới cuối kênh Hồng Đại	huyện Phục Hòa
73	Thủy lợi Nam Tuấn	huyện Hòa An
74	Hồ Thượng Thôn	huyện Hà Quảng

STT	Chương trình, dự án	Địa điểm
75	Hồ Phia Gà, Khâm Thành	huyện Trùng Khánh
76	Cụm công trình thủy lợi Đông huyện Quảng Uyên	huyện Quảng Uyên
77	Thủy lợi Đức Long	huyện Hòa An
78	Chùm hồ huyện Trùng Khánh (5 hồ)	huyện Trùng Khánh
79	Thủy lợi xã Đình Phong	huyện Trùng Khánh
80	Thủy lợi xã Cao Chơng	huyện Trà Lĩnh
81	Thủy lợi Long Thông	huyện Thông Nông
82	Nâng cấp hệ thống thủy lợi xã Thị Hoa	huyện Hạ Lang
83	Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu	Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang
84	Chợ huyện Nguyên Bình	huyện Nguyên Bình
85	Cơ sở hạ tầng khu du lịch thác bản Giốc - động Ngờm Ngao	huyện Trùng Khánh
86	Khu du lịch Pác Bó	huyện Hà Quảng
87	Khu du lịch sinh thái Phia Oắc - Phia Đén	huyện Nguyên Bình
88	Khu du lịch Ngờm Lồm	huyện Phục Hòa
89	Khu lâm viên Kỳ Sầm	thị xã Cao Bằng
90	Cơ sở hạ tầng khu du lịch hồ Thằng Hen	huyện Trà Lĩnh
91	Cơ sở hạ tầng khu du lịch hồ Khuổi Lái	huyện Hòa An
92	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy khu di tích lịch sử Pác Bó	huyện Hà Quảng
93	Bệnh viện Đa khoa khu vực các huyện miền Tây, tỉnh Cao Bằng	huyện Bảo Lạc
94	Nâng cấp bệnh viện tỉnh	thị xã Cao Bằng
95	Tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em, phụ nữ	toàn tỉnh
96	An toàn vệ sinh thực phẩm	toàn tỉnh
97	Trung tâm y tế huyện Hà Quảng	huyện Hà Quảng
98	Trung tâm y tế huyện Thạch An	huyện Thạch An
99	Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh	huyện Hòa An
100	Công trường lao động cho người nghiện sau cai nghiện huyện Nguyên Bình	huyện Nguyên Bình

09691593

STT	Chương trình, dự án	Địa điểm
101	Trung tâm dạy nghề miền Tây	huyện Bảo Lạc
102	Bệnh viện Tĩnh Túc	huyện Nguyên Bình
103	Trung tâm dạy nghề miền Đông	huyện Quảng Uyên
104	Cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế huyện: Thông Nông, Bảo Lạc, Thạch An, Hà Quảng	các huyện: Thông Nông, Bảo Lạc, Thạch An, Hà Quảng
105	15 phòng khám khu vực và 49 trạm y tế xã	các huyện
106	Nâng cấp trang thiết bị y tế cho các phòng khám khu vực và các trạm y tế	các huyện
107	Xử lý chất thải rắn	thị xã Cao Bằng
108	Trường trung học cơ sở Thanh Nhật	huyện Hạ Lang
109	Trường trung học phổ thông Bảo Lâm	huyện Bảo Lâm
110	Trường dân tộc nội trú Phục Hòa	huyện Phục Hòa
111	Trường trung học phổ thông Thông Nông	huyện Thông Nông
112	Trường cấp 2 + 3 Thông Hòa	huyện Trùng Khánh
113	Trường trung học phổ thông Phục Hòa	huyện Phục Hòa
114	Trường trung học phổ thông Trà Lĩnh	huyện Trà Lĩnh
115	Dự án tiểu học vùng khó khăn	các huyện
116	Dự án trung học cơ sở	các huyện
117	Dự án trung học phổ thông	các huyện
118	Dự án phát triển trung học cơ sở II	toàn tỉnh
119	Trường trung học phổ thông Bằng Ca	huyện Hạ Lang
120	Trường trung học phổ thông Nguyên Bình	huyện Nguyên Bình
121	Trường trung học phổ thông Nà Giàng	huyện Hà Quảng
122	Trường trung học phổ thông Pò Tấu	huyện Trùng Khánh
123	Trường cấp 2+3 Đình Phùng	huyện Bảo Lạc
124	Trường dân tộc nội trú huyện: Trùng Khánh, Phục Hòa, Trà Lĩnh	các huyện: Trùng Khánh, Phục Hòa, Trà Lĩnh
125	Trường mầm non các huyện	13 huyện
126	Xây dựng trường đại học Cao Bằng	thị xã Cao Bằng
127	Hỗ trợ chương trình hợp tác giáo dục Cao Bằng - Quảng Tây (Trung Quốc)	
128	Nâng cấp Trường cao đẳng sư phạm tỉnh	thị xã Cao Bằng

STT	Chương trình, dự án	Địa điểm
129	Tăng cường cơ sở vật chất 5 trường THPT	các huyện: Thông Nông, Thạch An, Quảng Uyên, Hạ Lang và thị xã Cao Bằng
130	Trường dạy nghề tỉnh	thị xã Cao Bằng
131	Trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh	thị xã Cao Bằng
132	Sân vận động trung tâm (theo Quy hoạch)	thị xã Cao Bằng
133	Nhà thi đấu thể dục thể thao tỉnh	thị xã Cao Bằng
134	Sân vận động các huyện (Thạch An, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Hà Quảng)	các huyện: Thạch An, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Hà Quảng
135	Bể bơi thi đấu tỉnh Cao Bằng	thị xã Cao Bằng
136	Nhà bảo tàng tổng hợp tỉnh	thị xã Cao Bằng
137	Nhà văn hóa huyện Nguyên Bình	huyện Nguyên Bình
138	Bảo tồn, tôn tạo di tích Pác Bó	huyện Hà Quảng
139	Nhà văn hóa huyện Quảng Uyên	huyện Quảng Uyên
140	Nhà văn hóa xã, phường	toàn tỉnh
141	Cấp nước vùng cao Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lâm, Bảo Lạc	các huyện: Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lâm, Bảo Lạc
142	Cấp nước thị xã Cao Bằng (giai đoạn II)	thị xã Cao Bằng
143	Cấp nước thị trấn các huyện lỵ	các huyện
144	Trụ sở các xã chưa được đầu tư (111 xã)	các huyện
145	Cải tạo, nâng cấp trụ sở các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã	các huyện, thị xã
146	Xây dựng trụ sở các cơ quan Đảng, chính quyền tại khu đô thị mới Đề Thám	thị xã Cao Bằng
147	Hệ thống thoát nước và xử lý chất thải rắn	thị xã Cao Bằng
148	Thoát nước trung tâm thị trấn các huyện	các huyện
149	Kè bờ sông Bằng, thị trấn Nước Hai	huyện Hòa An
150	Kè bờ sông Hiến (đoạn dọc phố Hiến Giang)	thị xã Cao Bằng
151	Cấp nước sinh hoạt cửa khẩu Sóc Giang	huyện Hà Quảng
152	Cấp nước sinh hoạt cửa khẩu Trà Lĩnh	huyện Trà Lĩnh

STT	Chương trình, dự án	Địa điểm
153	Khu tái định cư huyện Trà Lĩnh	huyện Trà Lĩnh
154	Kè bờ sông Bằng	thị xã Cao Bằng
155	Lò giết mổ gia súc và dây chuyền giết mổ đồng bộ	thị xã Cao Bằng
156	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và khu hành chính khu đô thị mới Đề Thám	thị xã Cao Bằng
157	Khu tái định cư các huyện, thị	các huyện
158	Cải tạo và xây dựng Trường quân sự tỉnh	thị xã Cao Bằng
159	Trung đoàn huấn luyện dự bị động viên 852	huyện Hòa An
160	Đường tuần tra biên giới	các huyện biên giới
161	Rà phá vật cản	địa bàn các xã biên giới
162	Các dự án phục vụ bố trí, sắp xếp dân cư các xã biên giới theo Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	các xã biên giới
163	Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2015 theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	các huyện

Ghi chú: Về vị trí, quy mô diện tích chiếm đất và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

09691593

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com